

Cảnh quan Nam bộ dưới ngòi bút của Hồ Biểu Chánh

Trịnh Văn Thảo

Hồ Biểu Chánh (1884–1958), tên thật là Hồ Văn Trung, tự Biểu Chánh, hiệu Thứ Tiên; là một trong những nhà văn hiện đại đầu tiên của Nam bộ đầu thế kỷ XX. Ông sinh năm 1884 tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công (nay thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang). Xuất thân trong một gia đình nông dân, thuở nhỏ học chữ Nho, sau đó chuyển qua học Quốc ngữ, rồi vào trường trung học ở Mỹ Tho rồi lên Sài Gòn học trường Chasseloup-Laubat.

Năm 1905, sau khi đậu Thành chung, ông thi vào ngạch ký lục của Soái phủ Nam kỳ; làm ký lục, thông ngôn, thăng dần đến đốc phủ sứ (1936), từng giữ chức chủ quận ở nhiều nơi. Ông vốn có tiếng thanh liêm, yêu dân, thương người nghèo khổ. Tháng 8-1941, sau khi về hưu, ông được Pháp mời làm cố vấn với danh hiệu Nghị viện Hội đồng Liên bang Đông Dương và Phó Đốc lý thành phố Sài Gòn.

Sau khi tái chiếm Nam bộ năm 1946, thực dân Pháp lập "Nam kỳ Quốc", ông được mời làm cố vấn cho chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh. Nhưng chỉ được mấy tháng, khi chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh sụp đổ, ông lui về quê ở ẩn và dành trọn những năm tháng còn lại cho sự nghiệp văn chương. Ông mất ngày 4-9-1958 tại Phú Nhuận, Gia Định; thọ 74 tuổi.

Ông được nhiều người biết đến với tư cách là một nhà văn, dịch giả, đã xuất bản từ năm 1912 đến 1958 hơn 60 cuốn tiểu thuyết, trong đó có những cuốn là truyện phóng tác từ tiểu thuyết của Pháp như Những người khốn khổ của Victor Hugo, Không gia đình của

Hector Malo.

Với Gs. Trịnh Văn Thảo, một nhà xã hội học gốc Sài Gòn, thì văn chương của Hồ Biểu Chánh còn phản ánh một cách sinh động cảnh quan Nam bộ mà ông đã đề cập trong một nghiên cứu nhan đề là Không gian thơ mộng và không gian xã hội ở nhà văn Hồ Biểu Chánh (1885-1958). Chúng tôi xin giới thiệu lại một số đoạn trích của Trịnh Văn Thảo (đã được dịch sang tiếng Pháp), từng đăng trên tạp chí Carnets du Việt Nam tại Pháp (Số tay Việt Nam - số 22, tháng 7-2009). Những đoạn văn trích đều lấy theo nguyên bản tiếng Việt trên mạng Việt Nam Thư quán, với 53 tác phẩm được đăng tải.

Qua những đoạn văn của Hồ Biểu Chánh, chúng ta có thể hình dung lại cảnh quan Sài Gòn và của Nam bộ cách đây nửa thế kỷ hơn, trước khi bị chiến tranh tàn phá và bị xáo trộn trong những giai đoạn phát triển kinh tế sau này.

Chợ Phú Cường - Bình Dương



Nam kỳ Lục tỉnh: Bến Súc (Bình Dương), 1941

Bến Súc nằm dựa đường quản hạt số 14, là con đường chạy từ châu thành Thủ Dầu Một lên mấy sớ cao su miệt Dầu Tiếng, bởi vậy ngày như đêm xe hơi chạy ngang qua chợ nầy dập dùi.

Bến Súc lại nằm trên một cái bung lớn, ngó xuống phía mặt trời mọc, đất thấp lại được nhờ nước ngọt của ngọn sông Bến Nghé quanh co chan rưới, nên vườn tược thanh mậu, hoa quả tươi tốt; còn dựa sau lưng, về phía mặt trời lặn, thì đất dốc cao, nên chỗ còn rừng bụi u nhàn, chỗ trồng cao su rậm rạp, chỗ làm ruộng rẫy chón chở.

Nhờ địa thế như vậy, nên Bến Súc là một làng nhỏ nhỏ mà có cái thú lờ chợ lờ quê⁽¹⁾, và người sanh trưởng tại đó có cái thái độ nửa xưa nửa nay, về hình thức thì cư xử theo mới cũng như người chỗ khác, mà về tâm hồn



Chợ Gò Công

thì chất phác theo cũ, không giống người chỗ khác. Địa thế ấy, người có chí ẩn dật hề thấy thì yêu liền tâm hồn ấy, người còn trọng luân lý hề biết thì mến lắm.

Ai tình miếu, tr.1

Tỉnh Gò Công, 1923

Ai đi đường Chợ Lớn xuống Gò Công hề qua đò Bao Ngược rồi lên xe chạy ra khỏi chợ Mỹ Lợi tới khúc quanh, thì sẽ thấy bên phía tay trái cách lộ chừng ít trăm thước có một xóm đông, kêu là xóm Tre, nhà ở chật, cái trở của lên, cái day của xuống, tre xanh kịch bao trùm kín mít, ngoài vuông tre thì ruộng bằng trang sắp liền từ đây. Qua mùa mưa cây đùm màu, ruộng nổi nước, thì trông ra chẳng khác nào cù lao nằm giữa sông lớn.

Đến nửa tháng năm trời mưa dầm dề ngày nào cũng như ngày nấy. Chiều bữa nọ trận mưa mới tan, bóng mặt trời chói chói phía bên đó, trong xóm nhà nhúm lửa nấu cơm chiều khói lên ngui ngút, tre nín nhau mừng trời mát, lá rữ phát phơ. Ngoài đồng nào nức nông phu; bạn cây thá vĩ⁽²⁾ tiếng vang vầy, công cấy hát hò, hơi lạnh lốt. Dưới sông Bao Ngược, ghe chài chở lúa trương buồm trôi theo dòng nước, chiếc nào chở cũng khảm lừ.

Trên lộ Cây Dương, xe ngựa đưa người nức ních chạy chậm rì,

tiếng lục lạc nhỏ khua xa xa nghe như tiếng nhái.

Cay đắng mùi đời, tr.1.

Gò Công, một chút lịch sử, 1950

Gần đây, một khách giang hồ trót mấy mươi năm bôn ba gởi bước khắp non sông, tình cờ trở lại nguồn Khổng Tước, nhìn cảnh cũ, nhớ người xưa bỗng cảm hứng nên ngâm một bài thi thất ngôn bát cú, tả phong cảnh Gò Công có hai câu trạng như vậy:

*Son Qui phường phát hồn
văn vật*

*Vàm Láng ồ ào sóng cạnh
tranh.*

Chắc có nhiều anh chị em bốn phương chưa biết Sơn Qui là cái gì ở đâu. Sơn Qui là một giồng cát trong tỉnh Gò Công.

Vùng Gò Công nằm dựa mé biển, nên thấp thổi sinh lầy, nhưng có mấy cái giồng cát nổi lên ngang dọc, giữa những cánh đồng ruộng vui vẻ, với màu lúa hết xanh rồi vàng, bằng phẳng một mực dầu phía trên hay phía dưới.

Những giồng Tháp, giồng Tre, giồng Nâu, giồng Cát, giồng Găng, giồng Trôm, giồng Ông Huê, giồng Sơn Qui, giồng nào cũng có trải qua những giai đoạn thăng trầm, cũng được thế cuộc ghi dấu lịch sử hoặc hùng hào, hoặc xán lạn.

Giồng Sơn Qui là trung tâm khai hóa trong vùng Khổng Tước, nguyên là cái lò nung đúc nhân tài để giúp chúa Nguyễn trung hưng hồi cuối thế kỷ XVIII.

Thiệt như vậy, giồng Sơn Qui đầu trong vô tới mé sông Gò Công, còn đầu ngoài đặng con đường quan lộ Gò Công lên Chợ Lớn. Hiện giờ du khách đến đó thì thấy dân cư thưa thớt, nhà cửa xơ rơ, chỉ còn phủ thờ với mấy ngôi mộ của quý tộc Phạm Đăng, là ngoại thích của vua Tự Đức, vẫn khư khư chống chỏi mà chịu đặng với tuế nguyệt, chớ những rẫy cải xanh tươi, những đám bắp ngon ngọt, là những nguồn lợi của người ở trong giồng, thì không còn nữa.

Nhìn cảnh Sơn Qui suy sụp bây giờ, ai cũng phải chạnh lòng nhớ nhơn vật vẻ vang của Sơn Qui ngày trước.

Hồi giữa thế kỷ XIX, sau khi Triều chúa Nguyễn ở Huế được nắm chủ quyền thống trị cả vùng đất Việt Nam này thì phân ranh chia mấy trấn, mỗi trấn chia nhân dân từ Quảng Bình trở vô được đem gia quyến đến khai cơ lập nghiệp.

Vùng Gò Công hồi đó gọi là Kiến Hoa đạo thuộc về trấn Định Tường, là Mỹ Tho bây giờ.

Cụ Phạm Đăng Xương một nhà học uyên thâm, gốc ở Hương Trà thuộc vùng Huế bây giờ, chở gia quyến vào Nam, chọn giồng Sơn Qui trong đạo Kiến Hòa làm chỗ định cư. Cụ đốt cây cất nhà và qui dân về ở chung quanh cụ. Điền địa phì nhiêu, trên giồng cải rau bắp đậu thứ nào cũng dễ trồng, dưới ruộng thì lúa cây đám nào đám nấy cũng xanh tốt. Nhơn dân thấy vậy bèn tụ tập về đó ở làm ăn, gây cho Sơn Qui một thời phong phú thịnh vượng.

Hai vợ, tr. 1

Từ Càng Long đi Trà Vinh, 1943

Đọc theo lộ Càng Long đi Trà Vinh, lối ngã ba đường Mỹ Huệ, tế vô Suối Cạn, chiều nay quang cảnh trông ra có vẻ đặc biệt, không giống mấy chỗ khác.

Trên đồng dâu đó thấy đều im lìm, mà nhờ giọt mưa mát mẻ, cây cối xanh tươi lại, nhà nào cũng đang nấu cơm chiều, khói bốc lên mà bị mưa không bay tan ra được, bởi vậy mấy nóc nhà bếp khói vẫn vũ mịt mù như mây bao phủ ở trên.

Con ở ngoài ruộng thì chỗ này người ta bừa, chỗ kia người ta nhổ mạ, chỗ nọ người ta đương cấy, nông phu xúm xít từng khóm trong đồng, kẻ hát người hò, cho vui, đặng quên nhọc nhằn, quên

lạnh lẽo.

Mẹ ghê con ghê, tr. 1

Rạch Cái Tắc (Cần Thơ), 1941

Tại Châu Thành, Ô Môn, có một cái rạch nhỏ bắt đầu chỗ góc nhà thương tế vô làng Ô Môn, rồi chạy thẳng qua miền Ba Se đặng ngọn rạch Cần Thơ quanh co lò lên tới đó.

Con rạch nhỏ này người ta kêu là rạch Cái Tắc, có lẽ là tại người ở Ô Môn nhờ đường nước ấy mà đi tắt qua Ba Se, Cầu Nhiêm, Phong Điền đặng, khỏi phải đi vòng ngã Cần Thơ xa xôi cách trở.

Rạch Cái Tắc đã tiện lợi cho sự giao thông mà lại đẹp đẽ về phong cảnh nữa. Hai bên rạch vườn tược thanh mậu, nhà cửa liên tiếp, hễ đến lúc nước lớn đầy thì những thảo mộc nhờ nước mà được sum suê, rồi phải hiệp nhau che tàn mà dầy mặt nước, nên vẽ ra cái bức tranh tốt tươi vui vẻ, gây nên cái không khí mát mẻ u nhàn.

Bên mé rạch, phía tay mặt, lại có đắp một con đường làng rộng rãi cao ráo, dọc theo đường trồng hai hàng dừa bị, gốc hai hàng mà ngọn de ra rạch, mấy khoảng trống lại trồng xen những mít, dâu, nhất là trồng đu đủ, cây nào cũng lùn thấp mà có trái đeo đầy cổ, với tay hái được, chẳng cần phải trèo leo.

Cư Kinh, tr. 1

Tỉnh Châu Đốc, 1938

Trong Nam kỳ, nơi vùng Châu Đốc giáp ranh với Hà Tiên, có mấy dãy núi nằm ngang nằm dọc, người ta đặt tên chung là Thất Sơn, núi không cao lớn bằng ngoài Trung kỳ, Bắc kỳ, song sừng sững đứng giữa một miền thấp thỏm, bằng phẳng rộng lớn mênh mông ngó mát mắt, mấy dãy núi ấy xem ra cũng có vẻ chón chỏ.

Đã vậy mà trong những cụm núi ấy cũng có nhiều khe nước u ẩn đáng gọi tình thi sĩ, có nhiều hòn đá làm khỏ mắt hiếu kỳ, tiếc vì khách du sơn ít để bước đến này, duy có người mộ Phật cầu tiên mới lui tới đặng cúng chùa nuôi sãi.

Một buổi sớm mai, trên hòn núi Cô Tô⁽³⁾, nằm phía sau chợ Xà Tón⁽⁴⁾, sương còn bao phủ mù mịt, dường như trùm cái mền xanh sậm đặng giải giếm những cảnh thanh tịnh, bí mật của tạo-hóa lập ra riêng để cho bọn thất chí hoặc chán đời nuông nấu, chớ không muốn cho phường trọc lợi tranh danh ghé mắt. [...]

Xa xa nghe tiếng chuông chùa Phật động bon bon; lấp ló thấy chim đứng trên nhành kêu chéo chết.

Đến trưa, ba người lên tới một



*Càng cá
Vàm Láng, Gò Công*



Châu Đốc

chỗ trồng trái kèu là Dâu Hội, gần trên đánh, Trinh dôi bụng, lại thấy có một tấm đá lớn nằm dưới một cây cổ thụ sum sê, dựa bên thềm có ngọn suối nước chảy ro re trong vắt. Trinh mời hai cô ghé đó mà ngồi, rồi mở túi ra lấy bánh mì, cá hộp, thịt đùi mà ăn với nhau.

Trước mặt trông thấy cánh đồng Xà Tón minh mông tuyệt với, bên phía tay trái thì những ngọn núi Cấm⁽⁵⁾, núi Bà Đội⁽⁶⁾ nghênh ngang che khuất cánh đồng Tà Keo, Cần Vọt. Tuy không có tâm hồn thi sĩ, nhưng mà thấy cái quang cảnh từ núi cao xuống đồng thấp mỗi chỗ có vẻ khác nhau thì ba người đều cảm xúc trong lòng, nên ngồi ăn mà không nói chuyện chi hết

Người thất chí, tr. 44-45.

Đảo Phú Quốc, 1957

Hòn Phú Quốc là một hải đảo lớn nhất thuộc về chủ quyền và nằm trong hải phận của nước Việt Nam từ xưa đến nay.

Tuy chúng tôi chưa nghe một văn nhơn hay thi sĩ nào ngâm vịnh mà tán dương thắng cảnh của hòn này, song xem địa dư, đọc sử ký chúng tôi được biết dĩ vãng lịch sử của Phú Quốc rất vẻ vang, được thấy vị trí chiến lược rất trọng yếu, được hiểu nguồn lợi kinh tế rất phong phú, bởi vậy chúng tôi thường lưu ý, mặc dầu chưa để chum hay ghé mắt lên hòn Phú Quốc.

Cũng như ai, thuở nay chúng tôi chỉ biết Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Lan, cách thị xã trấn

Hà Tiên chừng bốn năm chục hải lý, nghĩa là kéo đường ngay không tới một trăm cây số ngàn. Gặp mùa gió xuôi, thuyền buồm từ Hà Tiên chạy chừng hai phần ngày thì ra tới, còn hiện giờ thì phi cơ bay có hai mươi phút đồng hồ. [...]

Hòn Phú Quốc có dân cư kể đã mấy thế kỷ rồi, nhưng dân ở rải rác trong mấy cái vịnh, núp sóng gió cho êm ấm mà sống với cái nghề chài lưới, chớ chưa nghĩ tới cuộc khai thác rừng núi mà xây dựng nghiệp nông thương.

Cách chừng 40 năm trước đây, người ta cũng chưa thấy có tổ chức cuộc khai thác nào đáng kể. Dân cư tuy tăng số nhiều hơn, song họ chòm nhom mà ở với nhau thành xóm thành làng, bên phía Đông là phía ngó vô Hà Tiên thì ở tại Hàm Ninh, đầu dưới thuộc phía Nam thì ở tại Cây Dừa, còn phía bên Đông ngó ra hải đại thì ở tại

Chợ Cái Vung, Cần Thơ



Dương Đông. Trong mỗi chỗ, dân đốn cây phá rừng, trồng đô chút đỉnh mà ăn, chớ chưa làm ruộng hay lập vườn. Ghe biển chở nước mắm, đồi môi, thuyền đem vô Hà Tiên hoặc Rạch Giá mà bán rồi mua gạo, muối, vải, cùng các vật dụng cần yếu khác chở về bán lại cho người trong hòn.

Có làng có xóm, mà chưa có đường bộ để giao thông cho mau và cho dễ. Cũng chưa có đường xuyên ngang qua hòn để nối liền Dương Đông với Hàm Ninh là hai làng lớn có đông dân cư nên thành chợ. Thiệt có một số người sống rải rác trong giữa hòn, hoặc ở theo mấy trảng nhỏ trông dừa, hoặc cát am, cát chùa ở trên triền núi mà tu; nhưng mấy người ấy giao thông với làng xóm ngoài mé biển thì họ vệt cây, xô đá, đập đường mòn để vô ra cho dễ vậy thôi.

Sống thác với tình, tr.2 ■

CHÚ THÍCH:

1. Nửa chợ, nửa quê
2. Tiếng dưng điều khiển trâu: thá: (thá ra) hương ra ngoài miếng đất; vi: (vi vô) hương vô trong miếng đất đang cấy, bừa hay trực.
3. Thiết Hải.
4. Địa danh Tri Tôn, giòng Triều Châu đọc là Xà Tón.
5. Thiên Cấm Sơn.
6. Còn gọi là núi Đội Om hay núi Tượng.